

Diễn Vạn ngày 6 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN VẠN
KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI

Phục lục 1

A/ KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NĂM HỌC 2024 - 2025 (Thực hiện từ ngày 16/09/2024 đến 23/05/2025)

(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Diễn Vạn)

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Tuần	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non của bé - Tết trung thu	- Bé vui đón tết trung thu	1	16/09/2024 - 20/09/2024
		- Trường Mầm non Diễn Vạn thân yêu	2	23/09/2024 - 27/09/2024
		- Lớp mẫu giáo của bé	3	30/09/2024 - 04/10/2024
		- Các hoạt động trong trường mầm non.	4	07/10/2024 - 11/10/2024
2	Bản thân và ngày 20/10	- Ngày hội 20/10	5	14/10/2024 - 18/10/2024
		- Bé tự giới thiệu về mình.	6	21/10/2024 - 25/10/2024
		- Cơ thể của tôi và bạn	7	28/10/2024 - 01/11/2024
		- Tôi cần gì để lớn lên mà khỏe mạnh.	8	04/11/2024 - 08/11/2024
3	Gia đình và ngày 20/11	- Gia đình bé	9	11/11/2024 - 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo 20/11	10	18/11/2024 - 22/11/2024
		- Ngôi nhà của bé	11	25/11/2023 - 29/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé.	12	02/12/2024 - 06/12/2024
		- Nhu cầu của gia đình bé	13	09/12/2024 - 13/12/2024
4	Một số nghề và ngày 22/12	- Ngày quân đội nhân dân việt nam 22/12	14	16/12/2024 -20/12/2024
		- Nghề sản xuất	15	23/12/2024 - 27/12/2024
		- Nghề bác sĩ	16	30/12/2024 - 03/01/2025

		- Nghề phổ biến quen thuộc	17	06/01/2025 - 10/01/2025
5	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Cây xanh và môi trường sống	18	13/01/2025 - 17/01/2025
		- Bé vui đón tết – mùa xuân	19	20/01/2025 - 24/01/2024
		- Một số loại hoa - quả	20	03/02/2025 - 07/02/2025
		- Một số loại rau - củ	21	10/02/2025 - 14/02/2025
6	Thế giới động vật- Ngày hội 8/3	- Một số con vật nuôi trong gia đình.	22	17/02/2025 - 21/02/2025
		- Một số con vật sống dưới nước	23	24/02/2025 - 28/02/2025
		- Ngày hội 8/3	24	03/03/2025 - 07/03/2025
		- Một số con vật sống trong rừng	25	10/03/2025 - 14/03/2025
		- Côn trùng và một số loài chim	26	17/03/2025 - 21/03/2025
7	PT và quy định GT	- Một số PT và QĐGT đường bộ, đường sắt	27	24/03/2025 - 28/03/2025
		- Một số PT và QĐGT đường thủy	28	31/03/2025 - 04/04/2025
		- Một số PT và QĐGT đường không	29	07/04/2025 - 11/04/2025
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	- Sự kỳ diệu của nước.	30	14/04/2025 - 18/04/2025
		- Một số hiện tượng tự nhiên	31	21/04/2025 - 25/04/2025
		- Các mùa trong năm.	32	28/04/2025 - 02/05/2025
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học	- Quê hương đất nước	33	05/05/2025 - 09/05/2025
		- Trường tiểu học Diễm Vạn	34	12/05/2025 - 16/05/2025
		- Bác hồ kính yêu	35	19/05/2025 - 23/05/2025

**B. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ
ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI**

(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 6 tháng 9 năm 2024
của Trường Mầm non Diễm Vạn)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	<p>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ.- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal.- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:<ul style="list-style-type: none">+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần.+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần.+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần.- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ MG gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng;- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.

b. Chăm sóc bữa ăn

**** Trước khi ăn:***

- Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau
- Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn;

**** Trong khi ăn:***

- Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.

- Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.

- Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.

- Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.

Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ

**** Sau khi ăn:***

- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn

	<p>trong miệng và không bị sâu răng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. 		
2. Tổ chức giấc ngủ	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc <p>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). <p>* Trong khi ngủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác <p>* Sau khi thức dậy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn 	
3. Tổ chức vệ	<p>a. Vệ sinh cô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm 	Giáo viên và bảo vệ	

<p>sinh</p>	<p>bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm <p>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. <p>c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp</p> <p>* <i>Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi 		
--------------------	--	--	--

	<p>hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học dễ lấy, để tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên luôn không đưa ra sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy VS đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <p><i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ 		
--	--	--	--

	<p>sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.</p> <p>- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khản ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.</p>		
<p>4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn</p>	<p>a. Chăm sóc sức khỏe</p> <p><i>* Khám sức khỏe</i></p> <p>- Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai- mũi- họng, răng- hàm- mặt, cơ- xương- khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.</p> <p>- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần;</p> <p>Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe</p> <p><i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i></p> <p>- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao</p> <p>- Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025)- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ</p> <p>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</p> <p>- Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.</p> <p>- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.</p> <p>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</p> <p>- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện</p>	<p>- CBQL</p> <p>- Giáo viên chủ nhiệm</p> <p>- Nhân viên y tế,</p> <p>- Trạm y tế xã,</p> <p>- Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn</p> <p>- Phụ huynh</p>	

	<p>các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. <p>Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.</p> <p>Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.</p> <p>Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.</p> <p><i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống bệnh tay chân miệng và bệnh thủy đậu... - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. 		
--	--	--	--

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
<p>1. Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao.</p> <p>Trẻ trai:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cân nặng từ 15,9- 27,1 kg + Chiều cao từ 106.1 - 125.8 cm <p>Trẻ gái :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cân nặng từ 15,3 - 27,8 kg + Chiều cao từ 104.9 – 125,4 cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ. - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân và có biện pháp khắc phục hạn chế trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng. - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. - Tập luyện các bài tập thể dục thường xuyên.
<p>2. Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt , cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết , phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá, trứng, sữa + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, củ, các loại quả. + Thực phẩm giàu chất bột đường: Gạo, ngô, khoai, sắn, bánh mì... + Thực phẩm giàu chất béo: Dầu, mỡ động vật, bơ, lạc, vừng... - Trò chơi phân loại các nhóm thực phẩm
<p>3. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày, dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong cách chế biến một số món ăn, thức uống: Rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...
<p>4. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
<p>5. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng đúng thao tác. - Mặc trang phục phù hợp với thời tiết, biết tự thay quần áo khi bị ướt, bị bẩn, lao động tự phục vụ. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

<p>6. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự lấy cơm chn canh vào bát. Biết lấy cốc và rót nước uống, không làm nước tràn ra ngoài. - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nhịch, không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
<p>7. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe phòng chống dịch bệnh. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - Vệ sinh răng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che mũi, che miệng khi ho hoặc hắt hơi. - không dùng chung các đồ dùng cá nhân: cốc, khăn mặt, khăn lau tay, gối, chăn... - Bỏ rác đúng nơi quy định; không khạc nhổ bậy ra lớp.
<p>8. Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch những vật sắc nhọn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng khi đến gần như : bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, bật lửa, trèo cây, xô đẩy bạn, trèo lên cửa sổ, chơi ở đường giao thông có phương tiện đi lại, công trình đang xây dựng....; không nghịch những vật dụng đó. + Dạy trẻ kỹ năng không chơi và sử dụng đồ dùng đồ chơi có thể gây nguy hiểm.
<p>9. Trẻ biết những nơi như ao, hồ, mương nước, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, không đến gần những nơi không an toàn như: chui qua bụi rậm, tắm sông, chơi gần ao, hồ, sông suối , bể chứa nước... + Kỹ năng phòng tránh các nguy cơ đuối nước

<p>10. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và cách phòng tránh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết: không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
<p>11. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p>	<p>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo + Biết kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt, biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ <p>KNS:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dạy trẻ không nhận quà và đi theo người lạ + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh nguy cơ bắt cóc + Dạy trẻ kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn.
<p>12. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.</p>	<p>Thực hiện các quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
<p>13. Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (cs18)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ biết lao động tự phục vụ bản thân, biết đứng trước gương chải tóc trang phục gọn gàng khi đến trường.
<p>b. Phát triển vận động</p>	

<p>14. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác phát triển hô hấp, các bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc đúng nhịp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
<p>15. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Đi và chạy - Đi bằng mét ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên dây đầu đội túi cát(dây đặt trên sàn) - Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) - Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dặc theo hiệu lệnh. - Chạy nhấc cao đùi - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây - Chạy chậm khoảng 100- 120 m.
<p>16. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Tung, ném, bắt - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay(xa 2 m x cao 1,5 m) - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay(xa 2 m x

	cao 1,5 m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4- 5 lần liên tiếp. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Chuyển bắt bóng bên phải, bên trái - Tung bóng lên cao và bắt bóng
17. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, trèo.	* Bò, trườn, trèo: - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4- 5 m - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6 m. - Trèo lên xuống 7 giống thang.
18. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay , nhảy lò cò - Bò bằng bàn tay, cẳng chân và chui qua cổng. - “Ném xa 1 tay.chạy chậm 120m” - Ném xa bằng 2 tay, chạy nhanh 15m - Chuyển bắt bóng bên phải, bên trái. chạy chậm 100m
19. Trẻ có khả năng vận động bật, nhảy	* Bật – nhảy: - Bật liên tục qua 4- 5 vòng. - Bật xa 40- 50 cm. - Bật sâu 40- 45 cm - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản cao 15- 20 cm. - Nhảy lò cò 5m
20. Trẻ thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. . Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp, ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
II. Lĩnh vực hát triển nhận thức	

a. Khám phá khoa học	
21. Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Tìm hiểu về thời tiết và các mùa trong năm + Tìm hiểu về các hiện tượng tự nhiên
22. Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để quan sát lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Cơ thể tôi và bạn + Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh
23. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
24. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh bằng hình trò chuyện và thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại hoa + Một số loại quả + Một số loại rau, củ + Một số con vật nuôi trong gia đình + Một số con vật sống dưới nước + Một số con vật sống trong rừng + Côn trùng và các loài chim
25. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại phương tiện giao thông theo 2 – 3 dấu hiệu. + Một số PTGT và những quy định giao thông đường bộ, đường sắt. + Một số PTGT và những quy định giao thông đường thủy + Một số PTGT và những quy định giao thông đường hàng không - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu. + Đồ dùng đồ chơi trong lớp, trường mầm non. + Đồ dùng trong gia đình bé + Ngôi nhà gia đình bé.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả con vật theo 2-3 dấu hiệu. + Phân loại động vật (Sống trong gia đình, sống dưới nước, sống trong rừng...) + Phân loại rau (Rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả).... + Hoa cánh tròn, hoa cánh dài; quả 1 hạt quả nhiều hạt....
<p>26. Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (cs95)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống. + Sự kỳ diệu của nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một vài đặc điểm tính chất của nước, đất, đá. Cát, sỏi - Làm thí nghiệm: nước bốc hơi, vật chìm nổi, chất tan không tan.
<p>27. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kinh nghiệm bản thân để giải quyết một số vấn đề đơn giản như dùng vật thay thế: Dùng chổi để làm ngựa, dùng lá chuối cuộn làm búp bê, dùng gậy khoèo quả bóng dưới gầm giường ra...
<p>28. Trẻ biết nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát..</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng
<p>29. Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện vai chơi trong các trò chơi đóng vai theo chủ đề - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, mặt trời, mặt trăng, trái đất... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, mưa, mặt trời, mặt trăng, trái đất...
b. Khám phá xã hội	
<p>30. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình + Bé tự giới thiệu về mình
<p>31. Trẻ nói được địa chỉ gia đình, tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ nhận biết địa chỉ gia đình. Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình

<p>các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn, gia đình đông con- gia đình ít con). + Nhu cầu của gia đình (Nhu cầu ăn, ở, đi lại, vui chơi, giải trí, du lịch, mua sắm...)) + Gia đình của bé</p>
<p>32. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi trò chuyện. Nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường - Đặc điểm sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường + Trường mầm non Diễn Vạn + Lớp mẫu giáo của bé + Tìm hiểu về các hoạt động trong trường mầm non</p>
<p>33. Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.</p>	<p>-Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến quen thuộc (Dạy học, dịch vụ, xây dựng...), Nghề truyền thống địa phương (Kẹo lạc, làm muối, nướng cá) + Nghề sản xuất + Ngày quân đội nhân dân việt nam 22/12 + Nghề Bác sỹ + Một số nghề phổ biến quen thuộc</p>
<p>34. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.</p>	<p>Dạy trẻ nhận biết một số ngày lễ hội được tổ chức trong trường mầm non. + Ngày hội bé đến trường + Bé vui đón tết trung thu + Ngày vui của bà, của mẹ 20/10 + Ngày hội của cô 20/11 + Ngày vui của chú bộ đội 22/12 + Bé vui đón tết + Lễ hội mừng xuân + Ngày hội của bà, mẹ và cô giáo 8/3 + Bác Hồ kính yêu và ngày sinh nhật Bác 19/05</p>
<p>35. Trẻ biết kể tên và nêu một số nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Lăng Bác Hồ (Thủ đô Hà Nội) + Xứ nghệ quê em: Quê Bác, Quảng trường Hồ Chí Minh, bãi biển cửa lò... + Lễ hội đèn công (Diễn Châu): Tổ chức</p>

	<p>ngày 15/2 âm lịch. + Diễn Vạn quê em : Đền Hàng Tá Thôn (Diễn Vạn)... - Tham quan Đền thờ Hoàng Tá thôn (Diễn vạn) - Tham quan nghĩa trang Liệt Sỹ Diễn Vạn</p>
36. Trẻ biết kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống .	<p>Địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống: trạm y tế, trường tiểu học... + Tìm hiểu về trường tiểu học Diễn Vạn - Tham quan trường tiểu học Diễn Vạn</p>
c. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
37. Trẻ biết quan tâm đến các con số biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	<p>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng + Ôn số lượng 5, nhận biết chữ số 5. + Đếm đến 6, tạo nhóm có 6, nhận biết nhóm có 6 đối tượng, nhận biết số 6 + Đếm đến 7, tạo nhóm có 7, nhận biết nhóm có 7 đối tượng, nhận biết số 7 + Đếm đến 8, tạo nhóm có 8, nhận biết nhóm có 8 đối tượng, nhận biết số 8 + Đếm đến 9, tạo nhóm có 9, nhận biết nhóm có 9 đối tượng, nhận biết số 9 + Đếm đến 10, tạo nhóm có 10, nhận biết nhóm có 10 đối tượng, nhận biết số 10</p>
38. Trẻ so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất...	<p>+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 6, so sánh số lượng trong phạm vi 6. + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 7, so sánh số lượng trong phạm vi 7 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 8, so sánh số lượng trong phạm vi 8 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 9, so sánh số lượng trong phạm vi 9. + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 10, so sánh số lượng trong phạm vi 10.</p>
39. Trẻ biết tách/gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.	<p>- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 6, gộp, tách số lượng trong phạm vi 6 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm. + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 7, gộp, tách số lượng trong phạm vi 7 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm. + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 8, gộp, tách</p>

	<p>số lượng trong phạm vi 8 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.</p> <p>+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 9, gộp, tách số lượng trong phạm vi 9 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.</p> <p>+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 10, gộp, tách số lượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.</p>
<p>40. Nhận biết các số từ 5- 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p>	<p>- Nhận biết ý nghĩa các con số</p> <p>- Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10</p> <p>- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà; Biển số xe; số phòng cháy chữa cháy(cứu hỏa: 114); số công an 113; số cấp cứu: 115...)</p>
<p>41. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu và Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại. Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.</p>	<p>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p> <p>- Tạo ra quy tắc sắp xếp</p> <p>+ Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc</p>
<p>42. Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.</p>	<p>- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</p> <p>- Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</p> <p>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt các kết quả đo</p>
<p>43. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p>	<p>- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối đó trong thực tế</p> <p>+ Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối trụ,</p> <p>+ Nhận biết, phân biệt khối vuông, khối chữ nhật</p> <p>- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu</p> <p>- Tạo ra một số hình, hình học bằng các cách khác nhau</p>
<p>44. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.</p>	<p>- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau, phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái)so với bản thân trẻ.</p> <p>- Xác định vị trí của đồ vật(Phía trước – Phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải– phía trái) so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.</p>
<p>45. Trẻ biết gọi đúng tên các thứ tự</p>	<p>- Dạy trẻ gọi tên các thứ trong tuần</p>

trong tuần, các mùa trong năm	Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà) - Thứ tự các mùa trong năm
46. Trẻ biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày.	- Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn ngày mai làm việc gì? - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
47. Trẻ nói được ngày trên cuốn lịch và giờ trên đồng hồ.	- Lịch và giờ trên đồng hồ - Nói giờ chẵn trên đồng hồ
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
48. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu liên tiếp - ví dụ: “ Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái
49. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát về đặc điểm, tính chất, công dụng hay nhóm đối tượng: Động vật trong gia đình, dưới nước, trong rừng, đồ dùng, đồ chơi... Từ trái nghĩa: Trắng – đen; cao – thấp; to – nhỏ; hiền lành- hung dữ; ...
50. Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
51. Trẻ kể được rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự để người nghe có thể hiểu được
52. Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về các nguyên nhân, so sánh: “ tại sao?”, “ có gì giống nhau?”, “ có gì khác nhau?”, “ do đâu mà có?” - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?
53. Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
54. Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật.	- Phát âm có tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
55. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.

dao, ca dao...

*** Chủ đề: Trường Mầm non**

Thơ: Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Bàn tay cô giáo (Định Hải), Cô giáo, Bập bênh (Lê Thị Hiền), Gà học chữ (Phạm Trung Hiếu), Làm quen chữ số (Vương Trọng); Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn), Trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa); Bé học toán (Phan Thị Thu Huyền); Tình bạn (Trần Thị Hương); Mùa thu sang (Trần Đăng Khoa); Chơi ú tim (Phạm Hồ), Bạn mới; Tình Bạn...

- Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề

*** Chủ đề: Bản thân:**

Thơ: Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương), Cô Dạy; Em vẽ (Gia Lai), Bàn tay của bé (Phong Thu). Bé chẳng sợ tiêm, tay ngoan (Võ Thị Như Trơn); Lời bé (Nguyễn Văn Bình); Đôi mắt của em; Bé ơi ...

- Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề

*** Chủ đề: Gia đình và ngày 20/11**

Thơ: Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), Làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn), Giữa vòng gió thơm (Quang Huy), Ngôi nhà, Mẹ của em (Trần Quang Vịnh); Quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳ); Ông cháu nhà vịt (Trần Minh.); Lấy tăm cho bà...

- Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề

*** Chủ đề: Nghề nghiệp**

Thơ: Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa), Chiếc cầu mới (Thái hoàng Linh), Cô giáo của em. Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa); ước mơ của tỳ (Lưu Thị Ngọc Lễ); Làm bác sỹ; Bát com ngày mùa (Nguyễn Thị Thảo); Bé làm bao nhiêu nghề; Làm nghề như Bó...

- Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề

*** Chủ đề: Thế giới động vật**

Thơ: Mèo đi câu cá (Thái hoàng Linh), Gà nở (Phạm Hồ), Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy Ché), Con chim chiền chiện (Huy Cận); Mèo đi câu cá (Thái Thùy Linh); Nàng tiên ốc (Phan Thị Thanh Nhàn); Chú bò tìm bạn; Bó hoa tặng cô (Ngô Quân Miện);; về loại

	<p>vật...</p> <p>- Ca dao, câu đố,tục ngữ, hò vè về chủ đề</p> <p>* Chủ đề: Thực vật- tết nguyên đán</p> <p>Thơ: Hoa kết trái (Thu Hà), Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương), Hoa Đào (Mai Văn Hải), Ăn quả (Hồng Thu), Cây đào; Giàn gác (Đặng Vương Hưng); Mùa xuân (Trần Đăng Khoa);Lời chào của hoa;Cây dây leo; Tết đang vào nhà; cây dừa (Trần Đăng Khoa)...</p> <p>- Ca dao, câu đố,tục ngữ,hò vè về chủ đề</p> <p>* Chủ đề: Giao thông:</p> <p>Thơ: Chúng em chơi giao thông (Ngô Tô Hải), Bé và mẹ (Lương Thị Xiêm), Chú cảnh sát giao thông (Hương Mai), Cháu dắt tay cô (Bùi Thị Tình); cháu dắt tay ông (Nguyễn Phan Khuê); Đàn Kiến nó đi (Hương Mai); Tiếng còi tàu (Hồng Vy); Cô dạy con (Bùi Thị Tình); Giúp bà (Hoàng Thị Phảng); Đền giao thông (Mỹ Trang); Thuyền Giấy (Sru tâm)...</p> <p>- Ca dao, câu đố,tục ngữ,hò vè về chủ đề</p> <p>*Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên:</p> <p>Thơ: Mùa hè của em (Tuyết Hoa), Bình minh trong vườn, Mưa (Trần Đăng khoa), Cầu vồng (Phạm Hồ). Nắng bốn mùa (Mai Anh Đức).Gió(Xuân Quỳnh); Bình minh trong vườn, Mưa rơi (Xuân quỳnh).Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền); Mùa xuân; Trăng ơi từ đâu đến, Trưa hè...</p> <p>- Ca dao, câu đố,tục ngữ,hò vè về chủ đề</p> <p>*Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - trường tiểu học</p> <p>Thơ: Gà tơ đi học, Bác hồ của em(Phan Thị Thanh Nhân), Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Quê em, Quê em vùng biển; Về quê (Nguyễn Thắng); Bé vào lớp 1(Đinh Dũng Toàn)...</p> <p>- Ca dao, câu đố,tục ngữ,hò vè về chủ đề</p>
<p>56. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.</p>	<p>- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự</p> <p>- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.</p> <p>Chủ đề: Trường mầm non</p> <p>Truyện: Ngày đầu đến lớp, Thỏ trắng biết</p>

lỗi (Phùng Kim Liên), Bài học đầu năm, Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu); Món quà của cô giáo; Ai quan trọng nhất; Sự tích chú cuội cung trăng; Bạn mới...

***Chủ đề: Bản thân**

Truyện: Mỗi người một việc(Lê Thị Thu Hương), Cái môm (Phùng Thành Chung), Cháu rất nhớ bạn ấy, Câu chuyện của tay trái tay phải (Lý Thị Minh Hà), Chuyện của dê con; Đôi tai xấu xí; Cái đuôi của sóc nâu; Giấc mơ kỳ lạ; Gấu con bị sâu răng; cậu bé mũi dài...

***Chủ đề: Gia đình**

Truyện: Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu), Ba cô gái (Thu Thủy), Bàn tay có nụ hôn (Thanh Nga); Hai anh em ; Cây gia đình của cóc nâu; Hai anh em gà con; Gấu con chia quà; Cô bé quàng khăn đỏ...

*** Chủ đề: Nghề nghiệp**

Truyện: Sự tích quả dưa hấu, Thần sắt(Truyện kể dân tộc Thái), Cây rau của thỏ út; Ba anh em (truyện cổ Việt Nam); Gà trống choai và hạt đậu; Cây tre trăm đốt(Cổ tích việt nam); Chim Thợ may...

*** Chủ đề: Động vật**

Truyện: Chú dê đen (Nhà xuất bản giáo dục), Truyện của dê con, Dê con nhanh trí, mèo lại hoàn mèo (Truyện ngụ ngôn Việt Nam), Cá cầu vòng(Cẩm Bích), Con gà trống kiêu căng (Trần Thị Ngọc trâm); Ai đáng khen nhiều hơn; Quả trứng của ai; Cuộc thi bơi của tôm cua cá; Cá diếc con; Bác sỹ chim; cá chép con. Rùa con tìm nhà...

***Chủ đề: Thực vật – Tết nguyên đán**

Truyện: Quả bầu tiên (Kim Tuyến), Cây tre trăm đốt (Phùng theo truyện cổ tích), Sự tích hoa hồng (Theo báo hoa hồng), Hoa bìm bìm, Sự tích bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích việt nam), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi), Cây rau của thỏ út; Chiếc áo mùa xuân (Phương Anh); Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân); cây khế; chú đỗ con...

***Chủ đề: Giao thông**

	<p>Truyện: Một phen sợ hãi (Phạm Minh Thư), Kiến con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi), Những tấm biển biết nói , Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh), Qua đường (T.H); Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yên); Những tấm biển biết nói (Nguyễn Đức); Xe đạp con trên đường phố.Câu chuyện về chiếc xe ủi, chuyến du lịch của gà trống choai...</p> <p>* Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên</p> <p>Truyện: Sự tích ngày và đêm, Sơn tinh thủy tinh (Phông theo truyện cổ tích việt nam), Con vật bị rơi xuống nước, Giọt nước tý xíu (Nguyễn Linh); Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh); Chú bé giọt nước; Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng); Cóc kiện trời...</p> <p>*Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học</p> <p>Truyện: Sự tích Hồ gương (Phông theo truyền thuyết sự tích hồ gương), Quả táo, Niềm vui bất ngờ (Nhà xuất bản kim đồng). Thánh gióng (Phông theo truyện cổ tích việt nam; Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu)...</p>
57. Trẻ biết đóng vai của các nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch: trẻ biết đóng vai các nhân vật trong truyện kể phù hợp độ tuổi.
58. Trẻ biết sử dụng các từ “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” ...phù hợp tình huống. Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Dạy trẻ sử dụng các từ biểu cảm,hình tượng phù hợp tình huống. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
59. Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Dễ dàng sử dụng lời nói để diễn đạt cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. Kết hợp cử chỉ cơ thể để diễn đạt một cách phù hợp
60. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Mạnh dạn, chủ động trong giao tiếp
61. Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác.Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
62. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn bảo vệ sách

63. Trẻ biết chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- “Đọc” truyện qua tranh vẽ
64. Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét; đọc ngắt chỉ sau các dấu.
65. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ....)
66. Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	- Nhận dạng 29 chữ cái qua hoạt động làm quen chữ cái, trò chơi chữ cái. + Làm quen chữ cái: o,ô,ơ + Trò chơi chữ cái: o,ô,ơ + Làm quen chữ cái: a,ă,â + Trò chơi chữ cái: a,ă,â + Làm quen chữ cái: e,ê + Trò chơi chữ cái: e,ê + Làm quen chữ cái: u,ư + Trò chơi chữ cái: u,ư + Làm quen chữ cái: i,t,c + Trò chơi chữ cái: i,t,c + Làm quen chữ cái: b,d,đ + Trò chơi chữ cái: b,d,đ + Làm quen chữ cái: l,m,n + Trò chơi chữ cái: l,m,n + Làm quen chữ cái: h,k + Trò chơi chữ cái: h,k + Làm quen chữ cái: p,q + Trò chơi chữ cái: p,q + Làm quen chữ cái: g,y + Trò chơi chữ cái: g,y + Làm quen chữ cái: x,s + Trò chơi chữ cái: x,s + Làm quen chữ cái: v,r + Trò chơi chữ cái: v,r
67. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
68. Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. Hay hỏi về chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?). Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng

	tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh.
IV. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
69. Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ , tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm,các bài hát bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật,hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
70. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dạng, bố cục...của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục
71. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ và đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui,buồn,tình cảm tha thiết) của các bài hát,bản nhạc. * Nghe hát: * Chủ đề: Trường mầm non: - Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân) - Bài ca đi học (Phan Trần Bảng) - Đi học (Nhạc:Bùi Đình Thảo) - Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), - Ngày đầu tiên đi học (Nhạc:Nguyễn Ngọc Thiệp). - Mầm non hạnh phúc thân yêu (Vũ Cẩm) - Cô nuôi dạy trẻ (Nguyễn Văn Tý)... Dân ca tự chọn * Chủ đề: Bản Thân - Năm ngón tay ngoan(Trần Văn Thụ) - Thật đáng chê(Theo điệu Bắc kim thang. Lời Việt Anh) - Tim bạn thân (Việt Anh) - Năm tay thân thiết (Nhạc:Hàn Quốc) - Thằng tý sún (Hùng Lân)... Dân ca tự chọn, * Chủ đề: Gia Đình và ngày 20/11 - Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn) - Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục) - Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc:Phạm Tuyên. Lời Lâm Thị Mỹ Dạ) - Cho Con (Phạm Trọng Cầu) - Gia đình nhỏ, hạnh phúc to (Nguyễn Văn

Chung)

- Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ)
- Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân)
- Mẹ Yêu con (Nguyễn Văn Tý)
- Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo)
- Ru con (DC Nam bộ)
- Bông Hồng tặng cô (Trần Quang Huy)...

Dân ca tự chọn

*** Chủ đề: Nghề nghiệp**

- Ngày mùa (Văn Cao).
- Xe chỉ luân kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh)
- Hạt gạo làng ta (Nhạc:Trần Việt Bính- Lời: Trần Đăng khoa)
- Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý)
- Đi cấy (DC Thanh Hóa);
- Cháu hát về đảo xa (Trần Xuân Tiến)
- Bụi Phấn(Vũ Hoàng)...

Dân ca tự chọn

*** Chủ đề: Thế giới động vật**

- Gà gáy le te (Dân ca: Côống khao)
- Cái bóng (Phan Trần Bằng)
- Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền)
- Cò lả (Dân ca đồng bằng Bắc Bộ)
- Tôm, cá, cua thi tài (Phan Nhân)
- Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên)
- Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn)
- Lí con sáo Gò Công (Dân Ca Nam Bộ)...

Dân ca tự chọn

*** Chủ đề: Thực vật – tết nguyên đán**

- Hoa trong vườn (Hoàng Hoàn)
- Quả gì (xanh xanh)
- Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiệp)
- Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh)
- Ngày tết quê em (Tùng Huy)
- Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh)
- Lý cây bông (Dân ca Nam bộ)
- Vườn cây của ba(Phan Nhân)...

Dân ca tự chọn

*** Chủ đề: Giao thông**

- Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh)
- Anh phi công ơi (Nhạc:Xuân Giao. Thơ:

	<p>Xuân Quỳnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến) - Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến) - Cô dạy bé bài học giao thông (Lâm Trọng Tường) - Công an tí hon (Trần Quân Tiên) - Chúng em với an toàn giao thông (Hoàng Phong) - Con kênh xanh xanh (Ngô Huỳnh)... <p>Dân ca tự chọn</p> <p>* Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mưa rơi (Dân ca Xá), - Đếm sao (Văn Chung) - Hạt nắng hạt mưa (Khánh Vinh) - Reo vang bình minh (Lưu Hữu Phước) - Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ bắc Ninh) - Mưa hè (Lê Quốc Thắng)... <p>* Chủ đề: Quê hương- Đất nước – Bác Hồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long-Hoàng Lân) - Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long – Hoàng Lân) - Ai yêu Bác Hồ Chí Minh Hơn thiếu niên nhi đồng (Phạm Tuyên) - Nhớ Giọng Bác Hồ (Nhạc Thanh Phúc. Lời: Tạ Hữu Yên) - Quê hương (Giáp Văn Thạch) - Việt Nam quê hương tôi (Đỗ Nhuận) - Em yêu trường em (Hoàng Vân) - Em như chim bồ câu trắng (Trần ngọc) - Đi học (Bùi Đình Thảo) - Trái đất này là của chúng mình (Định Hải) - Em đi giữa Biển vàng(Bùi Đình Thảo) - Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Lân)... - Dân ca địa phương.
<p>72. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm, của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ hát đúng lời, giai điệu của một số bài hát trong chủ đề. <p>* Chủ đề: Trường mầm non</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến) - Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên) - Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên)

- Vườn trường mua thu (Cao Minh Khanh)
- Bàn tay cô giáo (Nhạc:Phạm Tuyên – Lời:Đình Hải)
- Rước đèn dưới ánh trăng (Phạm Tuyên)
- Góc Trăng (Nhạc:Hoàng Văn Yến).
- Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch)
- Lớp chúng mình(Mộng Lân)...
- * Chủ đề: Bản thân**
- Cái mũi (Nhạc: Nước ngoài. Lời: Lê Đức-Thu Hiền)
- Mời bạn ăn(Trần Ngọc)
- Khuôn mặt cười (Nguyễn Hậu)
- Đường và chân (Nhạc:Hoàng Long. Lời:Xuân Tửu)
- Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích)
- Bàn tay nắm lại (Nhạc nước ngoài)
- Hãy xoay nào (Nhạc: Hàn Quốc)
- Tập tầm vông (Lê Cao Phan)
- Thật Đáng yêu (Nghiêm Bá Hồng)...
- * Chủ đề: Gia Đình và ngày 20/11**
- Múa cho mẹ xem (Xuân Giao)
- Ông cháu(Phong Nhã)
- Bé quét nhà (Hà Đức Hậu)
- Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn),
- Bà cồng (Phạm Tuyên)
- Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh)
- Nhà của tôi (Thu Hiền);
- Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân)
- Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường)....
- * Chủ đề: Nghề nghiệp**
- Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)
- Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu)
- Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân)
- Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền)
- Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến);
- Chú bộ đội (Hoàng Hà)
- Ba em là công nhân lái xe (Lê văn Lộc)...
- * Chủ đề: Thế giới động vật**
- Cá vàng bơi (Hà Hải)
- Chú voi con ở bản đôn(Phạm Tuyên),
- Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê)
- Con chim vành khuyên (Hoàng Vân)

- Chim chích bông (Nhạc: Văn Dung – Lời Nguyễn Viết Bình)
- Đồ bạn (Hong Ngọc)
- Chú ếch con (Phan Nhân)
- Gà trống, mèo con và cún con (Phan Thế Vinh)
- Chú Khỉ con (Bùi Anh Tôn)
- Thật đáng chê (Việt Anh)...
- * **Chủ đề: Thực vật – tết nguyên đán**
- Quả(Xanh Xanh)
- Bầu và bí (Nhạc:Phạm Tuyên.Lời:Dân ca cổ)
- Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân)
- Hoa trường em (Dương Hưng Bang)
- Màu hoa (Hong Đăng)
- Mùa xuân (Hoàng Văn Yến)
- Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến)
- Em thêm một tuổi (Nhạc : Hoàng Long, Lời :Xuân Tửu)
- Lá xanh (Thái Cơ)
- Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu)
- Cùng múa hát mừng xuân (Hoàng Hà)...
- * **Chủ đề: Giao thông**
- Ngày vui 8-3 (Hoàng văn Yến).
- Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường)
- Đèn xanh, đèn đỏ(Nhạc:lương Vĩnh.Thơ: Thế hội)
- Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến)
- Đường em đi (Ngô Quốc Tính)
- Lái máy bay (Xuân Giao)
- Đi đường em nhớ (Hoàng Văn Yến)
- Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân)
- * **Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên**
- Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung)
- Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà)
- Ánh trăng hoà bình (Nhạc: Hồ Bắc. Lời Mộng Lân)
- Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền)
- Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích)
- Trời nắng trời mưa (Đăng Nhật Mai)
- Mây và gió (Minh Quân)...
- * **Chủ đề: Quê Hương – Đất nước – Bác Hồ.**

	<ul style="list-style-type: none"> - Tam biệt búp bê (Hoàng Thông) - Nhớ ơn Bác (Phan huỳnh Điều) - Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao) - Yêu Hà Nội (Bảo Trọng) - Dâng hoa lên ông và Bác (Phạm Thị Sửu) - Múa với bạn Tây nguyên (Phạm Tuyên), - Cháu vẫn nhớ Trường Mầm non (Hoàng Lân)... - Biểu diễn cuối chủ đề
73. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vũ tay theo các loại tiết tấu, múa)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu + Các bài hát trong 9 chủ đề...
74. Trẻ biết cách chơi, luật chơi các trò chơi âm nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Ai nhanh nhất - Ai đoán giỏi - Nghe âm thanh tìm đồ vật - Bạn nào hát - Nghe tiết tấu tìm đồ vật - Nhận hình đoán tên bạn hát - son mi, - Hát theo hình vẽ, tranh - Tạo dáng - Thỏ nhảy vào chuồng - Hát theo tay cô - Bao nhiêu bạn hát - Nghe tiếng hát tìm đồ vật - Tai ai tinh - Hãy nhảy cùng tôi - Bức tượng âm nhạc - Nhảy theo nhạc - ô cửa bí mật - Nốt nhạc vui...
75. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, để tạo ra các sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. + Làm cặp từ vỏ hộp thuốc + Làm tranh cuối chủ đề + Làm người từ rơm, rạ, cói + Làm hoa từ tấm bông, hạt gạo, vỏ nghêu... + Làm dụng cụ nghề nông, nghề xây dựng: bìa, mo cau... + Làm con vật từ vỏ nghêu, lá ngô khô, bèo

	<p>tây, ông chừa chua...</p> <p>+ Ghép bông hoa bằng hạt ngô, vỏ lạc, vỏ nghêu, hạt gấc...</p> <p>+ Làm thuyền từ lá cây, làm bè từ bẹ chuối</p> <p>+ Làm tranh từ sỏi, đá, cát...</p> <p>+ Làm kẹo lạc từ bìa cát tông và hạt na xiêm...</p>
<p>76. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p>	<p>Phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p> <p>* Chủ đề: Trường mầm non</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ, tô màu đồ chơi trong trường mầm non, - Vẽ, tô màu cô giáo - Trang trí rèm cửa lớp học <p>* Chủ đề: Bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ, tô màu chân dung bé - Trang trí khăn quàng cổ <p>* Chủ đề: Gia đình và ngày 20/11</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ chân dung người thân trong gia đình - Vẽ chân dung cô giáo - Vẽ cái nôi, soong - Vẽ, trang trí cái cốc <p>* Chủ đề: Nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông - Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo <p>* Chủ đề: Động vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ con gà trống <p>* Chủ đề: Thực vật – tết nguyên đán</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ mâm ngũ quả + Trang trí bưu thiếp ngày tết + Trang trí tán lá cây <p>* Chủ đề: Giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ tàu, thuyền trên biển <p>* Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ cảnh biển - Vẽ trang phục theo mùa, theo ý thích <p>* Chủ đề: Quê hương – đất nước – Bác hồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ cảnh quê hương em - Vẽ vườn hoa lăng bác - Vẽ đồ dùng học tập - Vẽ, tô màu trường tiểu học <p>* Vẽ theo ý thích</p>
<p>77. Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng cắt (cắt đường thẳng, đường cong, đường cong nhọn, đường zích

<p>sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p>	<p>zắc, đường bao...); xé(xé vụn, xé dải, xé mảng, xé theo đường bao, đường cong tròn, đường cong nhọn...). Dán (kỹ năng phết hồ, đặt đúng vị trí và miết...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thích, hình dáng, đường nét bố cục cân đối.</p> <p>* Chủ đề: Trường mầm non + Cắt dán đồ chơi trong trường Mầm non</p> <p>* Chủ đề: Bản thân + Cắt dán áo bạn trai bạn gái + Cắt dán làm gang tay</p> <p>* Chủ đề: Gia đình và ngày 20/11 + Làm ca vát tặng bố + Làm đồng hồ đeo tay + Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học + Cắt dán tủ quần áo</p> <p>* Chủ đề: Nghề nghiệp + Cắt dán hình ảnh một số nghề + Làm quà tặng chú bộ đội</p> <p>* Chủ đề: Động vật + Cắt dán động vật sống trong rừng + Xé dán đàn cá bơi + Làm mô hình thế giới đại dương + Làm con gà</p> <p>* Chủ đề: Thực vật – tết nguyên đán + Xé dán cây ăn quả + Gấp hoa sen + Trang trí tán lá cây + Tạo hình rau, củ quả</p> <p>* Chủ đề: Giao thông + Cắt, dán ô tô + Xé dán cột đèn hiệu giao thông + Xé dán thuyền trên biển + Gấp thuyền + Làm ô tô</p> <p>* Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên + Xé dán đám mây + Làm mưa ngũ sắc</p> <p>* Chủ đề: Quê hương – đất nước – Bác hồ + Xé dán bức tranh phong cảnh + Xé dán tranh quê hương + Làm giấy xúc xích trang trí * Cắt dán theo ý thích</p>
<p>78. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn</p>	<p>- Phối hợp các kỹ năng nặn (Xoay tròn, lăn</p>

<p>đề tạo thành các sản phẩm có bố cục cân đối</p>	<p>đọc, ấn dẹt, làm lõm, bẻ loe, nắn vuốt nhọn, uốn cong, vẽ, véo, vuốt, ấn bàn tay...) để tạo thành các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối, hợp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nặn bánh trung thu + Nặn đồ dùng trong gia đình + Nặn cái làn + Nặn bánh bao + Nặn quà tặng cô giáo + Nặn kẹo xoắn + Nặn quà tặng chú bộ đội + Nặn con vật nuôi trong gia đình + Nặn rau ăn củ, quả + Nặn các loại hoa, quả + Nặn quà tặng bà, mẹ, cô giáo + Nặn ô tô; nặn thuyền + Nặn cầu vồng + Nặn đồ dùng học tập + Nặn theo ý thích + Nặn theo đề tài...
<p>79. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình, in hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p>	<p>- Phối hợp kỹ năng xếp hình (Gấp đôi, gấp ba, gấp bốn...miết dẹt và lộn giấy...), In (Tìm các phương tiện khác nhau để in: in bàn tay, ngón tay, bàn chân...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, kiểu dáng, đường nét và bố cục cân đối.</p>
<p>80. Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.</p>	<p>- Dạy trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục.</p>
<p>81. Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích</p>	<p>- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra các âm thanh (Bằng miệng, bằng lá cây...) vận động theo các bài hát, bản nhạc (e rô bích, híphốp, cha cha cha,...) bài hát yêu thích</p> <p>- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc. (một câu hoặc một đoạn)</p>
<p>82. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn</p>	<p>- Tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</p>
<p>83. Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	<p>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình</p> <p>- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình</p>
<p>84. Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ(cs6)</p>	<p>- Chăm bút đúng: bằng ngón cái và ngón trỏ, đỡ bằng ngón giữa.</p> <p>- Tô màu đều.</p>

	- Không chờm ra ngoài nét vẽ.
85. Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản(cs7)	- Cắt rời được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ.
86. Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn(cs8)	- Phết hồ đều - Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không chồng lên nhau, không bị nhăn.
V. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
87. Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Dạy trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ . - Dạy trẻ nhớ số điện thoại bố, mẹ. Địa chỉ gia đình.
88. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích và khả năng của bản thân
89. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác với bạn.	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác(dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)
90. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình (cs59)	Nhận ra và chấp nhận sự khác biệt giữa người khác và mình về ngoại hình, cơ thể, khả năng sở thích, ngôn ngữ. Tôn trọng mọi người, không giễu cợt người khác hoặc xa lánh những người bị khuyết tật. Hòa đồng với bạn bè ở các môi trường khác nhau.
91. Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Thực hiện công việc được giao(Trực nhật, xếp dọn đồ dùng đồ chơi).
92. Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày, Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Mạnh dạn tự tin, bày tỏ ý kiến, chủ động và độc lập trong một số hoạt động: tự vệ sinh cá nhân, trực nhật theo lịch được phân công, giúp cô một số công việc...
93. Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (cs43)	Chủ động đến nói chuyện hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện. Giao tiếp thoải mái, tự tin. Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.
94. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận xét một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
95. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau

96. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
97. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, quê hương, đất nước (Xem tranh ảnh, video các hình ảnh về hoạt động của Bác Hồ và các địa điểm gắn liền với các hoạt động của Bác)
98. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Dạy trẻ bài hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ.
99. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
100. Trẻ biết nói cảm ơn, xin, lỗi, lễ phép.	Biết nói cảm ơn, xin, lỗi, lễ phép.
101. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
102. Trẻ biết chờ đến lượt	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận: Trong các giờ: Vệ sinh, ăn, ngủ và các hoạt động khác trong ngày.
103. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
104. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng – sai” , “tốt – xấu”
105. Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (cs32)	- Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. Trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. Cẩn thận sản phẩm KNS + Dạy trẻ xếp gấp quần áo + Dạy trẻ cách mặc quần áo + Dạy trẻ cắm hoa ngày tết
106. Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (cs 41)	- Trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) khi được người khác giải thích, an ủi, chia sẻ. Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân.

<p>107. Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn (cs51)</p>	<p>- Chấp hành và thực hiện sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng, vui vẻ. Thực hiện nhiệm vụ với thái độ sẵn sàng, vui vẻ. - Nhận và thực hiện vai chơi của mình trong trò chơi cùng nhóm.</p>
<p>108. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.</p>	<p>- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối KNS + Dạy trẻ chăm sóc con vật, cho con vật ăn + Trải nghiệm làm vườn</p>
<p>109. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định và biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường.</p>	<p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường (Không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) KNS + Dạy trẻ một số kỹ năng nhặt và phân loại rác.</p>
<p>110. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt</p>	<p>- Tiết kiệm điện nước: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. KNS + Dạy trẻ kỹ năng sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt.</p>
<p>111. Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính...</p>	<p>- Hướng dẫn trẻ biết cách bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính... - Dạy trẻ chơi các trò chơi, bài tập trên máy tính.</p>
<p>112. Ngoại ngữ: Tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh; Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ. - Erobich: Trẻ mạnh dạn tự tin nhảy các động tác erobich theo bài hát, theo nhạc.</p>	<p>- Dạy trẻ Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ (Giáo viên tiếng anh) - Dạy trẻ các động tác nhảy erobich theo nhạc (Giáo viên erobich)</p>

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Nguyệt

